



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 19/11/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 19/11/2024 đến 20/11/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: ; Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác- Chi nhánh Đức Thọ
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Sông La
7. Địa chỉ: xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	9.44	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7.15	-
3	TSS		µm/s	52.9	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.33	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	1.1	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.004	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	-	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.3	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 20. tháng 11. năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Văn Thắng

Nguyễn Thị Hồng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Đức Thọ*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Đức Thọ*
6. Ngày nhận mẫu: *19/11/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *19/11/2024 – 20/11/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.1	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.36	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	52.54	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.52	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl.G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO_3^- - N)	0.8	mg/l	2.0	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017
8	Nitrit (NO_2^- - N)	0.004	mg/l	0.05	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Ngọc Mỹ Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Đức Thọ*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *Mẫu 1: Nhà Nguyễn Văn Tạo- Số nhà 112 Đường Yên Trung- TDP 7- TT Đức Thọ.*
 - *Mẫu 2: Nhà Nguyễn Thị Nguyệt- TDP 8, TT Đức Thọ.*
 - *Mẫu 3: Nhà Đoàn Văn Bình- Thôn Cầu Đôi- xã Tân Dân.*
6. Ngày nhận mẫu: *19/11/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *19/11/2024 – 20/11/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.15	0.16	0.12	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.16	7.17	7.18	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	52.94	53.15	52.76	µm/s		
5	Clo tự do	0.38	0.40	0.4	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	0.01	0.01	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.7	0.8	0.7	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	0.005	0.003	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	-	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 11 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Ngọc Mỹ Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SDT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 18/11/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 18/11/2024 đến 19/11/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác- Chi nhánh Hồng Lĩnh.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Khe Trúc
7. Địa chỉ: xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	2.42	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7.1	-
3	TSS		$\mu\text{m/s}$	27.38	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.22	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	0.6	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.003	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	-	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.5	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 11/11/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 11/11/2024 đến 13/11/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác- Chi nhánh Hồng Lĩnh.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Khe Dọc
7. Địa chỉ: phường Trung Lương, TX Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	3.07	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.91	-
3	TSS		µm/s	22.51	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.13	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	0.5	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.003	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	-	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.0	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Khe Dọc*
6. Ngày nhận mẫu: *12/11/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *12/11/2021 – 13/11/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.3	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.32	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	25.2	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.87	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.8	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh- Trạm Khe Dọc*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *Mẫu 1: Nguyễn Tiến Việt- TDP Bán Xá- Trung Lương*
 - *Mẫu 2: Nguyễn Văn Quý- TDP Tân Miếu- Trung Lương*
6. Ngày nhận mẫu: *12/11/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *12/11/2024 – 13/11/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả		Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.13	0.33	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.37	7.55	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	58.94	56.03	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.49	0.31	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.8	0.9	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.005	0.004	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày 13. tháng 11. năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Thị Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 11/11/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 11/11/2024 đến 13/11/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác- Chi nhánh Hồng Lĩnh.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Thiên Tượng
7. Địa chỉ: phường Bắc Hồng, TX Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	23.4	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7.5	-
3	TSS		µm/s	39.41	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	1.04	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	0.6	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.002	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	-	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.3	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SDT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Thiên Tượng*
6. Ngày nhận mẫu: *11/11/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *11/11/2021 – 12/11/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.43	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.87	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	55.12	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.66	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.03	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.7	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.001	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.43	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh- Trạm Thiên Tượng*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *Mẫu 1: Đoàn Văn Nam- TDP6- phường Bắc Hồng*
 - *Mẫu 2: Đậu Xuân Hải- TDP1- phường Bắc Hồng*
6. Ngày nhận mẫu: *11/11/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *1/11/2024 – 12/11/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả		Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.49	0.5	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.78	7.80	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	58.94	56.03	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.49	0.31	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.8	0.9	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.005	0.004	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Thị Hồng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 11/11/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 11/11/2024 đến 13/11/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác- Chi nhánh Hồng Lĩnh.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Xuân Hoa
7. Địa chỉ: xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	3.89	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.88	-
3	TSS		$\mu\text{m/s}$	24.67	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.06	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	0.5	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.004	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	-	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.2	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Thị Thu



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SDT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Nghi Xuân*
6. Ngày nhận mẫu: *12/11/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *12/11/2021 – 13/11/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.88	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.09	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	26.15	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.46	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.04	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.7	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.003	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Tử, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
- Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh- Trạm Nghi Xuân*
- Lượng mẫu: *2000ml*
- Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
- Vị trí lấy mẫu:
 - *Mẫu 1: Nguyễn Thị Tú Ngọc- xã Xuân Mỹ- huyện Nghi Xuân.*
 - *Mẫu 2: Kiều Tuấn Hùng- Khối 3- thị trấn Tiên Điền- huyện Nghi Xuân.*
 - *Mẫu 3: Trần Thị Hồng- Khối 1- thị trấn Xuân An- huyện Nghi Xuân.*
- Ngày nhận mẫu: *12/11/2024*
- Ngày thử nghiệm: *12/11/2024 – 13/11/2024*
- Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.56	0.55	0.67	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.21	7.22	7.26	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	25.31	21.82	17.49	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.22	0.23	0.90	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	0.02	0.03	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.6	0.6	1.0	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.005	0.004	0.003	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	-	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 11/11/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 11/11/2024 đến 13/11/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác- Chi nhánh Hồng Lĩnh.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Đá Bạc
7. Địa chỉ: xã Đâu Liêu, TX Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	4.46	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7.4	-
3	TSS		$\mu\text{m/s}$	44.2	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.04	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	0.6	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.004	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	-	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.0	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Ngọc Mỹ Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SDT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh- Trạm Đá Bạc*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *Mẫu 1: Bùn Đức Tường- TDP3- Phường Đậu Liêu- TX Hồng Lĩnh*
 - *Mẫu 2: Thái Thị Châu- TDP4- phường Đậu Liêu-TX Hồng Lĩnh*
6. Ngày nhận mẫu: *13/11/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *13/11/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả		Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.93	0.46	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.8	7.7	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	41.06	40.34	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.4	0.2	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.05	0.06	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.5	0.6	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.003	0.003	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

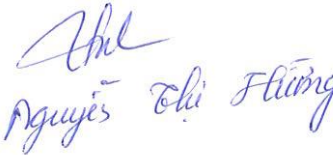
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Thắng

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

THỦ NGHIỆM VIÊN





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Đá Bạc*
6. Ngày nhận mẫu: *13/11/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *13/11/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.48	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.71	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	44.53	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.51	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.08	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.7	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 13. tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SDT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 6/11/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 6/11/2024 đến 7/11/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác- Chi nhánh Hương Khê.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Sông Tiêm
7. Địa chỉ: Thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	38.9	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7.03	-
3	TSS		$\mu\text{m/s}$	58.5	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.31	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	0.6	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.003	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	-	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.5	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 7 tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Khê*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Hương Khê*
6. Ngày nhận mẫu: *6/11/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *6/11/2024 – 07/11/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.41	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.2	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	29.37	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.34	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.7	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày 7 tháng 11 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Khê*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - M1: *Khối 7- thị trấn Hương Khê*
 - M2: *Khối 10- thị trấn Hương Khê*
 - M3: *Khối 1- thị trấn Hương Khê*
6. Ngày nhận mẫu: *06/11/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *06/11/2024 – 07/11/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.13	0.20	0.14	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.96	7.07	7.18	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	25.97	23.90	29.96	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.38	0.27	0.39	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	0.01	0.01	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.08	0.7	0.7	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.005	0.006	0.005	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.13	0.20	0.14	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 31 tháng 11 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Ngọc Mỹ Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SDT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 27/11/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 27/11/2024 đến 28/11/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác- Chi nhánh Hương Sơn.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Đập Dâng Ngàn Trươi
7. Địa chỉ: thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	3.09	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.86	-
3	TSS		$\mu\text{m/s}$	60.27	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.42	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	1.0	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.007	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	-	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.0	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Ngọc Mỹ Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 27/11/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 27/11/2024 đến 28/11/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác- Chi nhánh Hương Sơn.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Sông Ngàn Sâu
7. Địa chỉ: thị trấn Tây Sơn, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	89.7	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.97	-
3	TSS		$\mu\text{m/s}$	39.25	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.35	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	0.6	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.003	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	-	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.1	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Phố Châu*
6. Ngày nhận mẫu: *26/11/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *26/11/2024 - 27/11/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.49	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.07	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	84.42	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.47	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.05	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	1.0	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Vũ Quang*
6. Ngày nhận mẫu: *27/11/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *27/11/2024 – 28/11/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.42	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.16	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	170.5	$\mu\text{m/s}$	-	
5	Clo tự do	0.85	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.03	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	1.0	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0,006	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Thị Thu



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Tây Sơn*
6. Ngày nhận mẫu: *27/11/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *27/11/2024 – 28/11/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.22	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.06	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	65.91	µm/s	-	
5	Clo tự do	1.0	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.9	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.005	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SDT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Sơn- Trạm Tây Sơn*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *M1: Phan Văn Lĩnh-K9-thị trấn Tây Sơn*
 - *M2: Nguyễn Văn Nghệ-Hà Chua- thị trấn Tây Sơn*
 - *M3: Lê Thị Hương-An Sủ -xã Sơn Kim*
6. Ngày nhận mẫu: *27/11/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *27/11/2024- 28/11/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	1.13	0.9	0.95	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.99	6.96	6.95	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	114.7	117.9	13.1	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.21	0.31	0.35	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.03	0.03	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	1.8	2.0	1.7	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.005	0.006	0.004	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	-	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 11 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Thị Thu



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH

BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 27/11/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 27/11/2024 đến 28/11/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác- Chi nhánh Hương Sơn.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Sông Ngàn Phố
7. Địa chỉ: thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	25.2	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.53	-
3	TSS		µm/s	39.76	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.32	-
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017	mg/l	0.71	-
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	mg/l	0.004	-
7	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.0	-
8	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	-	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 11 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH

BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

9. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
10. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Sơn- Trạm Vũ Quang*
11. Lượng mẫu: *2000ml*
12. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
13. Vị trí lấy mẫu:
- *M1: Lê Thanh Tú- TDP4- Vũ Quang*
- *M2: cô Hiền- TDP3- TT Vũ Quang*
- *M3: Trần Đại Việt- TDP3-TT Vũ Quang*
14. Ngày nhận mẫu: *27/11/2024*
15. Ngày thử nghiệm: *27/11/2024- 28/11/2024*
16. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.69	0.68	0.7	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.16	7.19	7.17	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	120.7	106.8	90.11	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.75	0.26	0.55	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.04	0.03	0.03	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	1.3	1.1	1.1	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.005	0.005	0.006	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	-	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

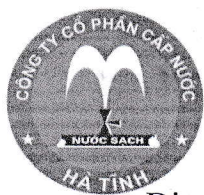
Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 11 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Ngọc Mỹ Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
- Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Sơn- Trạm Phố Châu*
- Lượng mẫu: *2000ml*
- Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
- Vị trí lấy mẫu:
 - *M1: Bùn Cường-Khối 6- Thị trấn Phố Châu*
 - *M2: Bệnh viện TDP2- Thị trấn Phố Châu*
 - *M3: Trần Văn Bích- TDP5- Thị trấn Phố Châu*
- Ngày nhận mẫu: *27/11/2024*
- Ngày thử nghiệm: *27/11/2024- 28/11/2024*
- Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.76	0.52	0.61	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.2	6.3	6.35	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	58.77	73.49	83.7	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.5	0.33	0.40	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.07	0.04	0.06	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	1.1	1.2	0.9	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.003	0.005	0.005	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	-	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 11 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Thị Thư



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 18/11/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 18/11/2024 đến 19/11/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác- Chi nhánh Kỳ Anh.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Kim Sơn
7. Địa chỉ: xã Kỳ Hoà, TX Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	12.1	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.68	-
3	TSS		µm/s	32.95	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.15	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	0.9	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.05	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	-	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.1	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Ngọc Mỹ Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH

BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh

SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Kỳ Anh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Kỳ Anh*
6. Ngày nhận mẫu: *18/11/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *18/11/2024-19/11/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả		Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.3	0.5	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.43	7.22	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	34.59	34.58	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.65	0.66	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	0.01	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.7	1.0	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.002	0.003	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Ngọc Mỹ Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Kỳ Anh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - M1:
 - M2:
 - M3:
6. Ngày nhận mẫu: *18/11/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *18/11/2024- 19/11/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.84	0.88	2.0	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.17	6.99	6.94	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	35.07	33.91	33.91	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.49	0.5	0.52	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.05	0.02	0.06	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.9	0.9	0.8	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.005	0.003	0.006	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	-	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 11 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH

BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh

SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 5/11/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 5/11/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: ; Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác- Chi nhánh Thành Phố.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Bộc Nguyên
7. Địa chỉ: xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	37	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7.0	-
3	TSS		$\mu\text{m/s}$	27.0	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.32	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	0.6	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.004	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.06	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.00	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 5 tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Thị Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

9. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
10. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Thành Phố*
11. Lượng mẫu: *2000ml*
12. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
13. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Bộc Nguyên*
14. Ngày nhận mẫu: *06/11/2024*
15. Ngày thử nghiệm: *06/11/2024*
16. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.67	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.9	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	37.25	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.85	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.03	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.9	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.003	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.00	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 6.. tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Ngọc Mỹ Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Thành Phố*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Bộc Nguyên*
6. Ngày nhận mẫu: *05/11/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *05/11/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.8	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.26	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	37.75	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.79	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.08	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.9	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.00	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày *05* tháng *11* năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
- Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Thành Phố- Trạm Bộc Nguyên*
- Lượng mẫu: *2000ml*
- Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
- Vị trí lấy mẫu:
 - *Mẫu 1: Nhà Nguyễn Thị Lý- số nhà 05- Ngách 1/25- đường 26/3*
 - *Mẫu 2: Quán Vinh Tàn- số nhà 03- ngõ 318- đường Nguyễn Du*
 - *Mẫu 3: Nhà Nguyễn Thị Nữ- số nhà 06- ngõ 161- đường Lê Thiệu Huy*
 - *Mẫu 4: Nhà Nguyễn Thị Huệ- số nhà 30A- đường Sông Cày- thị trấn Thạch Hà*
- Ngày nhận mẫu: *6/11/2024*
- Ngày thử nghiệm: *6/11/2024*
- Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả				Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3	M4			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	1.3	1.1	0.7	0.9	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.33	7.33	7.36	7.42	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	55.4	50.4	55.4	53.5	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.52	0.26	0.55	0.66	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	0.03	0.02	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.8	0.5	0.8	0.9	mg/l	2.0	SMEWW 4500- NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.003	0.004	0.003	0.004	mg/l	0.05	SMEWW 4500- NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	-	-	-	-	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

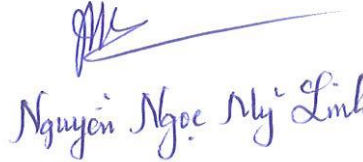
Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 11 năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Ngọc Mỹ Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP. Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 5/11/2024
2. Thời gian thử nghiệm: 5/11/2024
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: ; Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác chi nhánh Thành Phố.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Đập Dâng Đá Hàn
7. Địa chỉ: xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

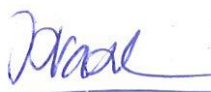
TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	576	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7.12	-
3	TSS		µm/s	26.98	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	2.58	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	-	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.183	-
7	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	>0.9	-
8	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	1.00	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Văn Thắng


Nguyễn Thị Thu



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Thành Phố*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Cẩm Xuyên*
6. Ngày nhận mẫu: *4/11/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *4/11/2024 – 5/11/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.84	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.1	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	38.79	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.86	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	1.00	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.003	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.088	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 11 năm 2024

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Văn Thắng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoàng Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2024/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Thành Phố.*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *Mẫu 1: Hoàng quang Hòa-TDP 10-Thị trấn Cẩm Xuyên*
 - *Mẫu 2: Lê Tiến Anh- cuối TDP 12- Thị trấn Cẩm Xuyên*
 - *Mẫu 3: Phan Chính Quốc- TDP 13-Thị trấn Cẩm Xuyên*
6. Ngày nhận mẫu: *5/11/2024*
7. Ngày thử nghiệm: *5/11/2024*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	1.12	0.37	0.38	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.8	6.79	6.9	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	42.00	42.93	47.57	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.46	0.34	0.30	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	0.02	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	1.1	1.1	1.0	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.005	0.004	0.005	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Mangan tổng số (Mn)	0.025	0.007	0.008	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2018/BYT.

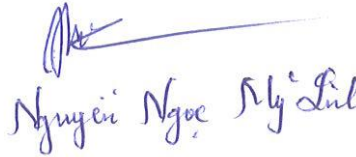
Hà Tĩnh, ngày 5.. tháng 11.. năm 2024

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Ngọc Mỹ Linh